

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giao kế hoạch kinh phí nguồn sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án Quy hoạch năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về: “Lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội”; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc: “Điều chỉnh bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ”; Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ dự án quy hoạch”;

Căn cứ Nghị quyết số 147/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, kỳ họp thứ 15 về: “Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016”; ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Văn bản số 116/CV-HĐND ngày 31/3/2016 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phương án phân bổ chi tiết kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch năm 2016”;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa để các ngành, các đơn vị có liên quan và các chủ dự án thực hiện; với các nội dung chính sau:

1. Nguyên tắc bố trí vốn:

1.1. Đối với các dự án đã phê duyệt quyết toán:

Bố trí đủ 100% kinh phí còn thiếu theo quyết định phê duyệt.

1.2. Đối với các dự án mới và chuyển tiếp:

a) Những dự án do các ngành làm chủ đầu tư:

- Bố trí vốn không quá 80,0% nhu cầu vốn của dự án có đủ điều kiện giao vốn; ưu tiên vốn cho các dự án chuyển tiếp.

- Số vốn còn lại bố trí tiếp khi có quyết toán.

b) Những dự án do các huyện làm chủ đầu tư: Bố trí vốn theo khả năng ngân sách và tiến độ thực hiện nhưng không quá 80,0% nhu cầu vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, số còn lại bố trí tiếp khi có quyết toán được duyệt.

1.3. Đối với các dự án còn lại sau khi các chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện và hoàn chỉnh thủ tục theo quy định: Giao Sở Tài chính tổng hợp, kiểm tra và trình Chủ tịch UBND tỉnh giao kế hoạch vốn để thực hiện.

2. Nguồn vốn sự nghiệp giành cho các dự án quy hoạch năm 2016 là: 50.000.000.000,0 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

3. Giao kế hoạch vốn đợt này:

3.1. Số lượng dự án: 47 dự án (Bốn bảy dự án).

Bao gồm:

a) Các dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư: 35 dự án.

b) Các dự án do các huyện làm chủ đầu tư: 12 dự án.

3.2. Kinh phí giao đợt này: 33.480.234.000,0 đồng (Ba mươi ba tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, hai trăm ba tư nghìn đồng).

Trong đó :

a) Các dự án đã phê duyệt quyết toán: 3.730.234.000,0 đồng.

Bao gồm:

- Kinh phí do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư: 3.021.942.000,0 đồng.

- Kinh phí do huyện làm chủ đầu tư: 708.292.000,0 đồng.

b) Các dự án chuyển tiếp: 6.050.000.000,0 đồng.

Bao gồm:

- Kinh phí do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư: 5.750.000.000,0 đồng.

- Kinh phí do huyện làm chủ đầu tư: 300.000.000,0 đồng.

c) Các dự án mới: 23.700.000.000,0 đồng.

Bao gồm:

- Kinh phí do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư: 19.450.000.000,0 đồng.

- Kinh phí do huyện làm chủ đầu tư: 4.250.000.000,0 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

4. Nguồn vốn: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các nhiệm vụ, dự án quy hoạch trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

5. Nguồn còn lại giao sau: 16.519.766.000,0 đồng (Mười sáu tỷ, năm trăm mười chín triệu, bảy trăm sáu sáu nghìn đồng).

6. Cơ chế quản lý, cấp phát vốn:

6.1. Đối với các dự án do các ngành cấp tỉnh làm chủ đầu tư: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung dự toán cho các ngành.

6.2. Đối với các dự án do các huyện làm chủ đầu tư: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung có mục tiêu cho các huyện.

Điều 2.

1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước Thanh Hóa; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các ngành, các đơn vị có liên quan và các chủ đầu tư căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các chủ đầu tư căn cứ vào mức vốn và mục tiêu đầu tư được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và các Quyết định có liên quan của cấp có thẩm quyền; Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích và thanh quyết toán theo đúng chế độ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Thủ trưởng các ngành, các huyện, các đơn vị có liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201671 (20).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

Phụ biểu:

TỔNG HỢP GIAO KẾ HOẠCH VỐN QUY HOẠCH NĂM 2015 ĐỂ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Nhu cầu vốn NS tỉnh còn thiếu	Vốn giao kế hoạch năm 2016	Mục tiêu
A	B	1	2	3	4	5 = 3 - 4	6	
	TỔNG CỘNG:	97.289.914.000		93.430.383.000	32.092.663.000	61.337.720.000	33.480.234.000	
A	CÁC DA ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN	20.741.896.000		18.922.897.000	15.192.663.000	3.730.234.000	3.730.234.000	
I	Các dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư	14.914.605.000		14.914.605.000	11.892.663.000	3.021.942.000	3.021.942.000	
1	Sở Xây dựng	7.187.616.000		7.187.616.000	5.690.000.000	1.497.616.000	1.497.616.000	
-	Quy hoạch chung xây dựng Khu vực Bắc Cầu Ghép, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;	1.311.941.000	2945/QĐ-UBND ngày 7/8/2015	1.311.941.000	1.100.000.000	211.941.000	211.941.000	
-	Quy hoạch chung xây dựng Khu Du lịch và Đô thị Cửa Đạt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;	741.264.000	2942/QĐ-UBND ngày 7/8/2015	741.264.000	670.000.000	71.264.000	71.264.000	
-	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa	759.897.000	2943/QĐ-UBND ngày 7/8/2015	759.897.000	400.000.000	359.897.000	359.897.000	
-	Quy hoạch mạng lưới đô thị, điểm dân cư dọc tuyến đường nối các huyện miền Tây tỉnh Thanh Hóa.	2.169.624.000	2944/QĐ-UBND ngày 7/8/2015	2.169.624.000	1.800.000.000	369.624.000	369.624.000	
-	Đề án phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn tỉnh Thanh Hóa theo hướng CNH, HĐH và mục tiêu cụ thể đến năm 2010	454.416.000	3453/QĐ-UBND ngày 11/9/2015	454.416.000	320.000.000	134.416.000	134.416.000	
-	Quy hoạch chung đô thị Hải Ninh- Tỉnh gia tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025	1.750.474.000	3455/QĐ-UBND ngày 11/9/2015	1.750.474.000	1.400.000.000	350.474.000	350.474.000	
2	Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn	2.937.824.000		2.937.824.000	2.400.000.000	537.824.000	537.824.000	
-	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Bãi Trành, huyện Như Xuân	1.529.739.000	2491/QĐ-UBND ngày 8/7/2015	1.529.739.000	1.250.000.000	279.739.000	279.739.000	

Đỗ

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Nhu cầu vốn NS tỉnh còn thiếu	Vốn giao kế hoạch năm 2016	Mục tiêu
-	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	1.408.085.000	2492/QĐ-UBND ngày 8/7/2015	1.408.085.000	1.150.000.000	258.085.000	258.085.000	
3	<i>Chỉ cục kiểm lâm</i>	<i>1.122.306.000</i>		<i>1.122.306.000</i>	<i>900.000.000</i>	<i>222.306.000</i>	<i>222.306.000</i>	
-	Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động, huyện Quan Hoá đến năm 2020	1.122.306.000	2561/QĐ-UBND ngày 13/7/2015	1.122.306.000	900.000.000	222.306.000	222.306.000	
4	<i>Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>1.207.664.000</i>		<i>1.207.664.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>207.664.000</i>	<i>207.664.000</i>	
-	ĐA Quy hoạch bố trí ổn định dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020	1.207.664.000	4450/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	1.207.664.000	1.000.000.000	207.664.000	207.664.000	
5	<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>	<i>2.321.386.000</i>		<i>2.321.386.000</i>	<i>1.802.663.000</i>	<i>518.723.000</i>	<i>518.723.000</i>	
-	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	2.067.484.000	5092/QĐ-UBND ngày 07/12/2015	2.067.484.000	1.602.663.000	464.821.000	464.821.000	
-	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	253.902.000	4810/QĐ-UBND ngày 19/11/2015	253.902.000	200.000.000	53.902.000	53.902.000	
6	<i>Sở Công thương</i>	<i>137.809.000</i>		<i>137.809.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>37.809.000</i>	<i>37.809.000</i>	
-	Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011 đến 2015, xét đến 2020	137.809.000	507/QĐ-UBND ngày 04/02/2016	137.809.000	100.000.000	37.809.000	37.809.000	
II	Các dự án do các huyện làm chủ đầu tư	5.827.291.000		4.008.292.000	3.300.000.000	708.292.000	708.292.000	
1	<i>UBND huyện Yên Định</i>	<i>781.075.000</i>		<i>468.645.000</i>	<i>300.000.000</i>	<i>168.645.000</i>	<i>168.645.000</i>	
-	Quy hoạch chung đô thị mới Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa	781.075.000	5481/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	468.645.000	300.000.000	168.645.000	168.645.000	
2	<i>UBND huyện Quan Sơn</i>	<i>2.550.004.000</i>		<i>2.040.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>240.000.000</i>	<i>240.000.000</i>	

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Nhu cầu vốn NS tỉnh còn thiếu	Vốn giao kế hoạch năm 2016	Mục tiêu
-	Quy hoạch xây dựng phát triển du lịch huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2.550.004.000	2989/QĐ-UBND ngày 11/8/2015	2.040.000.000	1.800.000.000	240.000.000	240.000.000	
3	UBND huyện Nông Cống	2.496.212.000		1.499.647.000	1.200.000.000	299.647.000	299.647.000	
-	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	1.137.824.000	439/QĐ-UBND ngày 03/02/2016	684.614.000	550.000.000	134.614.000	134.614.000	
-	Quy hoạch chung Đô thị Yên Mỹ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn sau năm 2025	1.358.388.000	412/QĐ-UBND ngày 01/02/2016	815.033.000	650.000.000	165.033.000	165.033.000	
B	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP	32.691.140.000		32.691.140.000	16.900.000.000	15.791.140.000	6.050.000.000	
I	Các dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư	31.097.640.000		31.097.640.000	16.000.000.000	15.097.640.000	5.750.000.000	
1	Sở Xây dựng	6.971.594.000		6.971.594.000	1.300.000.000	5.671.594.000	2.450.000.000	
-	Lập đề án đề nghị công nhận đô thị Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đạt đô thị loại IV	792.889.000	1805/QĐ-UBND ngày 19/5/2015	792.889.000	300.000.000	492.889.000	250.000.000	
-	Chương trình phát triển đô thị mới - đô thị Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa đạt đô thị loại IV	1.193.800.000	2505/QĐ-UBND ngày 09/7/2015	1.193.800.000	600.000.000	593.800.000	200.000.000	
-	Lập quy hoạch chung xây dựng hai bên bờ sông Mã đến năm 2030 (đoạn từ huyện Vĩnh Lộc đến Thị xã Sầm Sơn)	4.984.905.000	2029/QĐ-UBND ngày 03/6/2015	4.984.905.000	400.000.000	4.584.905.000	2.000.000.000	
2	Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn	2.172.046.000		2.172.046.000	1.000.000.000	1.172.046.000	500.000.000	
-	Khảo sát, lập quy hoạch chung Đô thị cửa khẩu Kheo, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	2.172.046.000	2500/QĐ-UBND Ngày 07/8/2015	2.172.046.000	1.000.000.000	1.172.046.000	500.000.000	
3	Sở Tài nguyên và môi trường	4.893.000.000	Sở KHĐT trình	4.893.000.000	1.500.000.000	3.393.000.000	1.500.000.000	
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thanh Hóa	4.893.000.000	Số 1703/QĐ-UBND ngày 12/5/2015	4.893.000.000	1.500.000.000	3.393.000.000	1.500.000.000	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17.061.000.000		17.061.000.000	12.200.000.000	4.861.000.000	1.300.000.000	

Handwritten signature

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Nhu cầu vốn NS tỉnh còn thiếu	Vốn giao kế hoạch năm 2016	Mục tiêu
-	Quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng Nam Sông Chu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	6.320.000.000	4086/QĐ-UBND ngày 20/11/2013	6.320.000.000	4.500.000.000	1.820.000.000	500.000.000	
-	Kinh phí rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2025	2.886.000.000	1915/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	2.886.000.000	1.700.000.000	1.186.000.000	300.000.000	
-	Quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Hòa Phấn - Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	7.855.000.000	3570/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	7.855.000.000	6.000.000.000	1.855.000.000	500.000.000	
II	Các dự án do các huyện làm chủ đầu tư	1.593.500.000		1.593.500.000	900.000.000	693.500.000	300.000.000	
I	UBND huyện Thường Xuân	1.593.500.000		1.593.500.000	900.000.000	693.500.000	300.000.000	
-	Lập Quy hoạch chung đô thị Khe Hạ, huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	1.593.500.000	Số 2420/QĐ-UBND ngày 30/6/2015	1.593.500.000	900.000.000	693.500.000	300.000.000	
C	CÁC DỰ ÁN MỚI	43.856.878.000		41.816.346.000		41.816.346.000	23.700.000.000	
I	Các dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư	35.914.946.000		35.914.946.000		35.914.946.000	19.450.000.000	
I	Sở Xây dựng	16.523.870.000		16.523.870.000		16.523.870.000	8.900.000.000	
-	Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	602.000.000	4974/QĐ-UBND ngày 27/11/2015	602.000.000		602.000.000	400.000.000	
-	QHC Xây dựng hệ thống nghỉ ngơi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	593.000.000	4710/QĐ-UBND ngày 16/11/2015	593.000.000		593.000.000	400.000.000	
-	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thọ Xuân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065	1.694.000.000	5242/QĐ-UBND ngày 11/12/2015	1.694.000.000		1.694.000.000	1.100.000.000	
-	QH phân khu tỷ lệ 1/2000 các phân khu số 1, số 2, số 3, số 8 đô thị Sao Vàng huyện Thọ Xuân	7.468.698.000	4532/QĐ-UBND ngày 03/11/2015	7.468.698.000		7.468.698.000	3.000.000.000	
-	Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	4.827.172.000	360/QĐ-UBND ngày 28/01/2016	4.827.172.000		4.827.172.000	3.000.000.000	

ĐHM

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Nhu cầu vốn NS tỉnh còn thiếu	Vốn giao kế hoạch năm 2016	Mục tiêu
-	Đề án phát triển thị trường Bất động sản tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	1.339.000.000	989/QĐ-UBND ngày 21/3/2016	1.339.000.000		1.339.000.000	1.000.000.000	
2	Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn	1.694.926.000		1.694.926.000	0	1.694.926.000	1.000.000.000	
-	Lập QHCT xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp số 6, Khu Kinh tế Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa	1.694.926.000	5404/ QĐ-UBND ngày 23/12/2015	1.694.926.000		1.694.926.000	1.000.000.000	
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.190.270.000		6.190.270.000		6.190.270.000	3.900.000.000	
-	Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định những hộ dân sống rải rác thành khu tập trung khu vực 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	1.400.000.000	2270/QĐ-UBND ngày 19/6/2015	1.400.000.000		1.400.000.000	700.000.000	
-	Quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng Bắc Sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	3.070.643.000	2778/QĐ-UBND ngày 30/7/2015	3.070.643.000		3.070.643.000	2.000.000.000	
-	Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030	1.719.627.000	3707/QĐ-UBND ngày 25/9/2015	1.719.627.000		1.719.627.000	1.200.000.000	
4	Sở Giao thông Vận tải	1.756.603.000		1.756.603.000		1.756.603.000	1.150.000.000	
-	Khảo sát, lập điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	689.053.000	5535/QĐ-UBND ngày 30/12/2015	689.053.000		689.053.000	450.000.000	
-	Lập điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	1.067.550.000	716/QĐ-UBND ngày 02/3/2016	1.067.550.000		1.067.550.000	700.000.000	
5	Sở Công thương	7.124.000.000		7.124.000.000	-	7.124.000.000	3.000.000.000	
-	Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035	7.124.000.000	2910/QĐ-UBND ngày 6/8/2015	7.124.000.000		7.124.000.000	3.000.000.000	

Xét duyệt

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Nhu cầu vốn NS tỉnh còn thiếu	Vốn giao kế hoạch năm 2016	Mục tiêu
6	<i>Viện Quy hoạch Kiến trúc</i>	2.625.277.000		2.625.277.000	-	2.625.277.000	1.500.000.000	
-	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái ven biển huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (từ xã Quảng Hải đến xã Quảng Thái)	2.625.277.000	3757/QĐ-UBND ngày 28/9/2015	2.625.277.000		2.625.277.000	1.500.000.000	
II	Các dự án do các huyện làm chủ đầu tư	7.941.932.000		5.901.400.000		5.901.400.000	4.250.000.000	
1	<i>UBND huyện Ngọc Lặc</i>	2.467.249.000		1.974.200.000		1.974.200.000	1.350.000.000	
-	QHC đô thị trung tâm miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	1.368.249.000	2191/QĐ-UBND ngày 16/6/2015	1.095.000.000		1.095.000.000	750.000.000	
-	Dự toán kinh phí khảo sát lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5000 đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị trung tâm miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	1.099.000.000	3280/QĐ-UBND ngày 28/8/2015	879.200.000		879.200.000	600.000.000	
2	<i>UBND huyện Triệu Sơn</i>	787.000.000		472.200.000		472.200.000	300.000.000	
-	Kinh phí lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025	787.000.000	3454/QĐ-UBND ngày 11/9/2015	472.200.000		472.200.000	300.000.000	
3	<i>UBND huyện Lang Chánh</i>	1.256.891.000		1.005.000.000		1.005.000.000	800.000.000	
-	Lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, mở rộng thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh đến năm 2030	1.256.891.000	686/QĐ-UBND ngày 29/02/2016	1.005.000.000		1.005.000.000	800.000.000	
4	<i>UBND huyện Đông Sơn</i>	1.451.482.000		870.000.000		870.000.000	600.000.000	
-	Lập QHC đô thị Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	1.451.482.000	413/QĐ-UBND ngày 01/02/2016	870.000.000		870.000.000	600.000.000	
5	<i>UBND huyện Quan Sơn</i>	505.310.000		400.000.000		400.000.000	300.000.000	
-	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các điểm du lịch sinh thái Bán Khạn xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	505.310.000	2892/QĐ-UBND ngày 05/8/2015	400.000.000		400.000.000	300.000.000	

Thư

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Nhu cầu vốn NS tỉnh còn thiếu	Vốn giao kế hoạch năm 2016	Mục tiêu
6	UBND huyện Cẩm Thủy	1.474.000.000		1.180.000.000		1.180.000.000	900.000.000	
-	Lập QHC đô thị Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 định hướng đến năm 2040	1.474.000.000	5482/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	1.180.000.000		1.180.000.000	900.000.000	

Handwritten signature